

Số: 182/2022/QĐST-DS

Đông Anh, ngày 24 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 16 tháng 8 năm 2022 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 236/2020/TLST-DS ngày 08/10/2020.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hoà giải thành ngày 16 tháng 8 năm 2022 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Ngân hàng A**; trụ sở: Số 266 – 268 đường X1, Phường Y1, Quận Z1, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà **Nguyễn Đức Thạch C** – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Trần Đức D** – Giám đốc chi nhánh Đông Anh.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông **Vi Văn E** – Trưởng phòng kiểm soát rủi ro chi nhánh Đông Anh.

- *Bị đơn*: Chị **Phan Thị B**, sinh năm 1982; nơi cư trú: Tổ X2, thị trấn Y2, huyện Z2, thành phố Hà Nội.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

+ Ông **Phan Trọng F**, sinh năm 1954; bà **Nguyễn Kim G**, sinh năm 1957; cùng nơi cư trú: Thôn X3, xã Y3, huyện Z3, thành phố Hà Nội.

+ Anh **Phan Trọng H**, sinh năm 1976; chị **Nguyễn Thị I**, sinh năm 1974, cùng nơi cư trú: Tổ X4, thị trấn Y4, huyện Z4, thành phố Hà Nội;

*Người đại diện theo ủy quyền của ông F, bà G, anh H, chị Nguyễn Thị I: Chị **Phan Thị B**.*

2/ Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về số tiền nợ:* Theo Hợp đồng tín dụng số LD1608200159 ngày 22/3/2016, giấy nhận nợ số 01 ngày 31/3/2016, Hợp đồng tín dụng số LD1726900037 ngày 26/9/2017, giấy nhận nợ số 01 ngày 27/9/2017. Tính đến hết ngày 14/8/2022, chị Phan Thị B còn nợ Ngân hàng A số tiền là:

+ Đối với khoản vay 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng tại Hợp đồng tín dụng số LD1608200159 ngày 22/3/2016: Nợ gốc là 229.860.000 (Hai trăm hai mươi chín triệu, tám trăm sáu mươi nghìn) đồng, lãi trong hạn là 64.346.478 (Sáu mươi bốn triệu, ba trăm bốn mươi sáu nghìn, bốn trăm bảy mươi tám) đồng, lãi quá hạn là 13.196.577 (Mười ba triệu, một trăm chín mươi sáu nghìn, năm trăm bảy mươi bảy) đồng. *Tổng cộng gốc và lãi là 307.403.055 (Ba trăm linh bảy triệu, bốn trăm linh ba nghìn, không trăm năm mươi lăm) đồng.*

+ Đối với khoản vay 250.000.000 (Hai trăm năm mươi triệu) đồng tại Hợp đồng tín dụng số LD1726900037 ngày 26/9/2017: Nợ gốc là 221.420.000 (Hai trăm hai mươi một triệu, bốn trăm hai mươi nghìn) đồng, lãi trong hạn là 62.231.057 (Sáu mươi hai triệu, hai trăm ba mươi một nghìn, không trăm năm mươi bảy) đồng, lãi quá hạn là 6.742.973 (Sáu triệu, bảy trăm bốn mươi hai nghìn, chín trăm bảy mươi ba) đồng, phạt chậm trả là 9.581.342 (Chín triệu, năm trăm tám mươi một nghìn, ba trăm bốn mươi hai) đồng. *Tổng cộng gốc và lãi là 299.975.372 (Hai trăm chín mươi chín triệu, chín trăm bảy mươi lăm nghìn, ba trăm bảy mươi hai) đồng.*

Tổng cộng gốc và lãi của 02 khoản vay trên là: 607.378.427 (Sáu trăm linh bảy triệu, ba trăm bảy mươi tám nghìn, bốn trăm hai mươi bảy) đồng, gồm nợ gốc là 451.280.000 (Bốn trăm năm mươi một triệu, hai trăm tám mươi nghìn) đồng, lãi trong hạn là 126.577.535 (Một trăm hai mươi sáu triệu, năm trăm bảy mươi bảy nghìn, năm trăm ba mươi lăm) đồng, lãi quá hạn là 19.939.550 (Mười chín triệu, chín trăm ba mươi chín nghìn, năm trăm năm mươi) đồng, phạt chậm trả là 9.581.342 (Chín triệu, năm trăm tám mươi một nghìn, ba trăm bốn mươi hai) đồng.

2.2. *Về phương thức trả nợ:* Hạn cuối là ngày 30/11/2022, chị Phan Thị B phải trả toàn bộ số tiền 607.378.427 (Sáu trăm linh bảy triệu, ba trăm bảy

mười tám nghìn, bốn trăm hai mươi bảy) đồng và lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày 15/8/2022 đến khi trả hết nợ theo lộ trình sau:

- Từ tháng 9 đến hết tháng 10 năm 2022, mỗi tháng chị Phan Thị B phải trả ngân hàng số tiền tối thiểu 10.000.000 (Mười triệu) đồng vào ngày 30 hàng tháng.

- Ngày 30/11/2022, chị Phan Thị B phải trả ngân hàng toàn bộ số tiền còn nợ.

Toàn bộ số tiền chị Phan Thị B nộp ngân hàng phải thu vào tiền gốc. Sau khi thu đủ nợ gốc mới được thu vào tiền lãi.

2.3. Trường hợp chị Phan Thị B vi phạm bất kỳ kỳ trả nợ nào theo thỏa thuận trên, thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản bảo đảm sau để thu hồi nợ: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 86a; tờ bản đồ số 64 tại xóm Thượng, xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội được cấp GCNQSD đất và tài sản gắn liền với đất số BO388236, số vào sổ cấp 1226.QĐ-UBND.2013 CH.00144.2013 do UBND huyện Đông Anh cấp ngày 03/5/2013 cho bà Nguyễn Kim G.

Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ để thanh toán khoản nợ thì chị Phan Thị B tiếp tục phải có nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng.

2.4 Tiền án phí dân sự sơ thẩm: 28.295.000 (Hai mươi tám triệu, hai trăm chín mươi lăm nghìn) đồng. Do các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên được giảm 50%; số tiền án phí còn: 14.147.500 (Mười bốn triệu, một trăm bốn mươi bảy nghìn, năm trăm) đồng. Chị Phan Thị B phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm 14.147.500 (Mười bốn triệu, một trăm bốn mươi bảy nghìn, năm trăm) đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

Trả lại Ngân hàng A số tiền 12.321.000 (Mười hai triệu, ba trăm hai mươi một nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0017710 ngày 06 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh.

3. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhân:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đông Anh;
- TAND TP. Hà Nội;
- Chi cục THADS huyện Đông Anh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Trần Quang Tuyền